

VIỆC LÀM XANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: PHÂN TÍCH THƯ MỤC NGHIÊN CỨU TOÀN CẦU (2020-2025)

Vũ Thị Thu Hương

Học viện Hàng không Việt Nam

huongvtt@vaa.edu.vn

Tóm tắt: Bài viết khảo sát bức tranh nghiên cứu toàn cầu về việc làm xanh và phát triển bền vững trong giai đoạn 2020-2025 dựa trên dữ liệu từ cơ sở Scopus. Phương pháp phân tích thư mục được sử dụng nhằm nhận diện xu hướng phát triển, các cụm chủ đề nổi bật và cấu trúc tri thức của lĩnh vực. Sau khi loại bỏ trùng lặp và rà soát thủ công, bộ dữ liệu cuối cùng gồm 186 công trình. Kết quả cho thấy, số lượng nghiên cứu tăng mạnh sau đại dịch Covid-19; đồng thời, trọng tâm học thuật chuyển từ tiếp cận khái niệm sang các chủ đề mang tính hành động như việc làm xanh, biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn hay kinh tế môi trường. Các bản đồ trực quan cũng gợi ý vai trò ngày càng quan trọng của kỹ năng xanh và đổi mới công nghệ như những cầu nối giữa lý thuyết và thực tiễn chính sách. Tuy nhiên, lĩnh vực này vẫn tồn tại khoảng trống về thước đo kỹ năng xanh, đánh giá tác động chính sách ở cấp địa phương và phân tích vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trên cơ sở đó, bài viết vừa đóng góp vào việc hệ thống hóa tri thức toàn cầu về việc làm xanh, vừa đề xuất một số gợi ý chính sách cho Việt Nam, đặc biệt trong đào tạo kỹ năng xanh, hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy lồng ghép tiêu chuẩn phát triển bền vững vào chiến lược quốc gia.

Từ khóa: Việc làm xanh; phát triển bền vững; phân tích thư mục; ESG; Scopus.

GREEN JOBS AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT: A BIBLIOMETRIC ANALYSIS OF GLOBAL RESEARCH (2020-2025)

Abstract: The article examines the global research landscape concerning green jobs and sustainable development for the period of 2020 to 2025, utilizing data sourced from the Scopus database. A bibliometric analysis approach was employed to discern development trends, significant thematic clusters, and the knowledge framework of the discipline. After eliminating duplicates and performing a manual review, the final dataset consisted of 186 studies. The findings indicate a significant rise in research activity following the Covid-19 pandemic; concurrently, the academic emphasis has transitioned from a conceptual framework to action-oriented subjects such as green jobs, climate change, the circular economy, and environmental economics. Visual representations further imply the increasing significance of green skills and technological innovation as connections between theoretical concepts and practical policy implementation. Nevertheless, this area continues to exhibit deficiencies in measuring green skills, assessing the effects of policies at the local level, and analyzing the contributions of small and medium-sized enterprises. Consequently, the article not only aids in organizing global insights on green employment but also offers several policy recommendations for Vietnam, especially concerning green

skills training, support for businesses, and the advancement of sustainable development standards within national strategies.

Keywords: *Green Jobs; sustainable development; Bibliometric Analysis; ESG (Environmental, Social, and Governance); Scopus.*

Mã bài báo: JHS - 296

Ngày nhận bài sửa: 10/10/2025

Ngày nhận bài: 12/09/2025

Ngày duyệt đăng: 20/10/2025

Ngày nhận phản biện: 02/10/2025

1. Đặt vấn đề

Trong vài năm qua, thế giới liên tục đối diện với những thách thức lớn. Biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng. Bất bình đẳng xã hội vẫn chưa được giải quyết. Đại dịch Covid-19 vừa qua để lại áp lực phục hồi nặng nề cho nhiều nền kinh tế. Các yếu tố này cộng hưởng, buộc nhiều quốc gia phải xem lại mô hình phát triển. Không thể chỉ dựa vào tăng trưởng thuần túy. Hướng đi bền vững trở thành lựa chọn gần như bắt buộc.

Trong bối cảnh đó, khái niệm “việc làm xanh” (*green jobs*) nổi lên mạnh mẽ. Đây không phải thuật ngữ hoàn toàn mới, nhưng chỉ trong khoảng 5-7 năm gần đây, nó mới thực sự đi vào văn bản chính sách thay vì chỉ xuất hiện trong hội thảo quốc tế. Theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO, 2018), lực lượng lao động xanh không chỉ tạo thêm công ăn việc làm mà còn giúp nâng cao chất lượng sống và giảm rủi ro môi trường. Nói cách khác, đây là chiếc cầu nối giữa tăng trưởng kinh tế và trách nhiệm xã hội.

Điều đáng nói là việc làm xanh không đứng riêng một góc, nó gắn với nhiều lĩnh vực khác: chuyển đổi năng lượng, cải cách giáo dục, quản trị doanh nghiệp, hay tái cấu trúc thị trường lao động. Quan sát từ nghiên cứu quốc tế cho thấy, các chiến lược phục hồi sau khủng hoảng thường lồng ghép yếu tố việc làm xanh với các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) của Liên hợp quốc (Bowen & Kuralbayeva, 2015). Thực tế ở Việt Nam cũng cho thấy xu hướng tương tự, khi các chương trình đào tạo nghề xanh bắt đầu được lồng ghép vào giáo dục nghề nghiệp.

Tuy vậy, tri thức học thuật về vấn đề này vẫn còn rời rạc. Phần lớn các công trình tập trung vào từng mảng nhỏ: tác động môi trường, kỹ năng xanh, hoặc phân tích ngành nghề cụ thể. Khi đọc dữ liệu Scopus, chúng tôi nhận ra rất ít bài có khả năng kết nối những mảnh ghép đó thành bức tranh hệ thống. Phân tích của chúng tôi gợi ý rằng, nếu không có bản đồ tri thức đầy đủ, rất khó nhận diện được logic phát triển cũng như quỹ đạo tiến hóa của lĩnh vực (Consoli et al., 2016; OECD, 2020). Đây là khoảng trống đáng để nghiên cứu.

Để xử lý, chúng tôi chọn cách tiếp cận bằng phân tích thư mục. Nguồn dữ liệu lấy từ Scopus, với chuỗi từ khóa: “*green jobs*” (việc làm xanh), “*sustainable development*” (phát triển bền vững), “*circular economy*” (kinh tế tuần hoàn), “*environmental economics*” (kinh tế môi trường), “*reskilling*” và “*climate policy*” (chính sách khí hậu). Ban đầu hệ thống trả về hơn 400 bản ghi. Sau khi loại bỏ trùng lặp và rà soát thủ công, bộ dữ liệu cuối cùng chỉ còn 186 bài báo khoa học trong giai đoạn 2020-2025. Việc công bố con số này quan trọng vì nó cho thấy sự chọn lọc khắt khe và đảm bảo độ tin cậy cho kết quả phân tích.

Trong khâu xử lý, chúng tôi dùng công cụ Bibliometrix (R) được triển khai để lập bản đồ đồng xuất hiện từ khóa và để phân tích tiến hóa chủ đề và trích xuất thống kê mô tả. Trong thực tế, tôi cũng gặp không ít khó khăn. Ví dụ, nhiều từ khóa khác nhau nhưng trùng nghĩa, như: “*green job*” và “*green employment*”. Chúng tôi phải chuẩn hóa thủ công trước khi phân tích. Điều này phản ánh rằng, làm nghiên cứu dữ liệu thư mục không hề “tự động” như nhiều người vẫn nghĩ.

Tóm lại, mục tiêu của nghiên cứu nhằm khẳng định rằng việc làm xanh không chỉ là khái niệm lý thuyết. Nó đang trở thành một phần thiết yếu trong chiến lược phát triển bền vững toàn cầu. Dữ liệu và công cụ phân tích cho phép tôi phác họa bản đồ tri thức, từ đó gợi ý hướng đi cho học giới, cung cấp luận cứ cho các nhà hoạch định chính sách và hỗ trợ doanh nghiệp trong việc gắn kết chiến lược phát triển bền vững với nguồn nhân lực xanh.

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

Khái niệm việc làm xanh được Tổ chức Lao động quốc tế (ILO, 2018) định nghĩa là những công việc góp phần bảo vệ hoặc phục hồi môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm phát thải khí nhà kính, đồng thời vẫn bảo đảm các điều kiện lao động công bằng và an toàn. Ở góc độ chính sách, đây không chỉ là một lĩnh vực mới nổi, mà còn được xem là công cụ thiết yếu trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh. Các báo cáo quốc tế, điển hình là OECD (2020), đã nhấn mạnh mối liên hệ trực tiếp giữa việc mở rộng việc làm

xanh với mục tiêu kép: thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và củng cố công bằng xã hội.

Khái niệm phát triển bền vững được đề cập lần đầu trong Báo cáo Brundtland (1987), được hiểu là “sự phát triển đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”. Tư tưởng này được cụ thể hóa trong 17 mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc, trong đó *việc làm xanh* được coi là phương tiện hiện thực hóa ít nhất ba mục tiêu trọng yếu: *Mục tiêu 8* (tăng trưởng kinh tế và việc làm bền vững), *Mục tiêu 12* (sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm), và *Mục tiêu 13* (ứng phó biến đổi khí hậu). Các nghiên cứu trước đây như Bowen & Kuralbayeva (2015) cho thấy, mối gắn kết giữa việc làm xanh và SDGs ngày càng rõ rệt, đặc biệt trong các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, quản lý tài nguyên và tái cấu trúc thị trường lao động.

Một trụ cột khác liên quan mật thiết là kinh tế tuần hoàn, được xây dựng trên nguyên tắc đóng vòng vật chất và năng lượng, qua đó tạo cơ hội việc làm mới trong các ngành tái chế, năng lượng tái tạo và đổi mới công nghệ. Theo Consoli và cộng sự (2016), các ngành nghề gắn với kinh tế tuần hoàn thường đòi hỏi tập hợp kỹ năng khác biệt so với việc làm truyền thống, đặc biệt là năng lực công nghệ, sáng tạo và tư duy hệ thống. Ở góc độ quản trị, Arulrajah và đồng nghiệp (2015) chỉ ra rằng việc tích hợp nguyên tắc tuần hoàn cùng tiêu chuẩn ESG có thể làm gia tăng nhu cầu về nhân lực xanh, mở rộng phạm vi quản trị nguồn nhân lực bền vững (Sustainable HRM).

Liên quan mật thiết với hai trục trên là khái niệm kỹ năng xanh (*green skills*). UNESCO (2019, 2023) mô tả đây là tập hợp tri thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để thích ứng với quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế bền vững, bao gồm cả năng lực công nghệ cao, khả năng quản lý, tư duy hệ thống và đổi mới sáng tạo. Dữ liệu thị trường lao động gần đây cho thấy, sự thiếu hụt kỹ năng xanh đang trở thành rào cản lớn đối với quá trình chuyển đổi năng lượng ở nhiều quốc gia (OECD, 2020). Thực tiễn cũng chỉ ra, các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) chịu áp lực lớn nhất do hạn chế về nguồn lực tài chính và nhân lực.

Từ những cơ sở lý luận trên, có thể khẳng định, việc làm xanh là một khái niệm liên ngành, kết nối ba trụ cột chính: phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn và kỹ năng xanh. Bài viết này lập luận rằng, sự đan xen giữa ba trụ cột này đã hình thành một hệ sinh thái nghiên cứu phức hợp, vừa phản ánh tiến trình phát triển lý thuyết, vừa thể hiện yêu cầu đổi mới chính sách và thực tiễn quản trị nguồn nhân lực xanh. Do đó, phân tích thư mục có

hệ thống là cần thiết nhằm phác họa cấu trúc tri thức toàn cầu, xác định khoảng trống học thuật và gợi mở các hướng tiếp cận mới cho nghiên cứu tương lai.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phân tích thư mục (bibliometric analysis) để khám phá bức tranh tri thức toàn cầu về việc làm xanh và phát triển bền vững. Phương pháp này cho phép định lượng các đặc trưng học thuật, ví dụ như số lượng công bố theo năm, tần suất xuất hiện từ khóa và sự hình thành các mạng lưới chủ đề. Ngoài ra, nó còn giúp nhận diện xu hướng phát triển cũng như khoảng trống nghiên cứu gồm những khía cạnh còn ít được khai thác trong một lĩnh vực thay đổi nhanh chóng.

Nguồn dữ liệu được trích xuất từ Scopus, vốn được xem là một trong những cơ sở dữ liệu học thuật toàn diện và có độ tin cậy cao. Cơ sở dữ liệu Scopus được lựa chọn cho nghiên cứu này dựa trên ba lý do chính liên quan đến độ bao phủ, tính minh bạch và khả năng phân tích dữ liệu học thuật.

Thứ nhất, Scopus có phạm vi bao phủ rộng nhất trong các lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn, kinh tế và môi trường, bao gồm hơn 28.000 tạp chí khoa học được bình duyệt (peer-reviewed), cùng các kỷ yếu hội thảo quốc tế có uy tín (Elsevier, 2024). So với Web of Science, Scopus có tốc độ cập nhật nhanh hơn và phạm vi liên ngành cao hơn, đặc biệt phù hợp cho các chủ đề mới nổi như việc làm xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

Thứ hai, dữ liệu Scopus có cấu trúc chuẩn hóa, dễ dàng trích xuất và xử lý bằng các công cụ phân tích thư mục như Bibliometrix (R). Điều này cho phép nghiên cứu tái hiện đầy đủ mạng lưới tri thức (knowledge network), xác định các cụm chủ đề (thematic clusters) và đánh giá xu hướng phát triển học thuật theo thời gian.

Thứ ba, Scopus được xem là nguồn dữ liệu đáng tin cậy và minh bạch nhất cho phân tích xu hướng toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh đánh giá học thuật quốc tế. Theo nghiên cứu của Mongeon & Paul-Hus (2016), Scopus bao phủ hơn 84% tạp chí thuộc khối xã hội - kinh tế - quản trị mà Web of Science chưa liệt kê. Do đó giúp kết quả phản ánh chính xác hơn thực tiễn nghiên cứu liên ngành.

Từ ba lý do trên, việc sử dụng cơ sở dữ liệu Scopus không chỉ đảm bảo độ tin cậy và tính tái lập của kết quả, mà còn giúp bài nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế trong phân tích thư mục, phù hợp với các nghiên cứu gần đây của OECD (2020) và UNESCO (2023) về xu hướng toàn cầu hóa tri thức trong lĩnh vực việc làm xanh và phát triển bền vững.

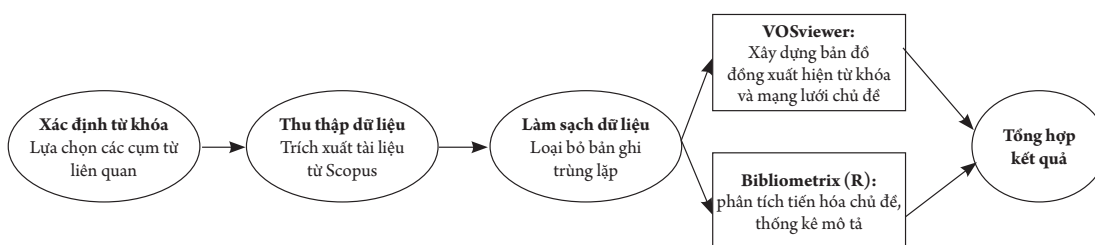
Tác giả xây dựng chuỗi từ khóa gồm: “green jobs”, “sustainable development”, “circular economy”, “environmental economics”, “reskilling” và “climate policy”. Ba tiêu chí lọc được áp dụng: (i) chỉ lấy bài bằng tiếng Anh, (ii) loại hình là bài báo tạp chí (journal articles), (iii) khung thời gian từ 2020-2025. Ban đầu có hơn 400 bản ghi, sau khi loại bỏ trùng lặp và kiểm tra thủ công, bộ dữ liệu cuối cùng còn 186 bài. Con số này phản ánh sự chọn lọc khắt khe để đảm bảo độ tin cậy.

Trong bước phân tích, công cụ được sử dụng giúp xây dựng bản đồ đồng xuất hiện từ khóa và nhận diện các

cụm chủ đề nghiên cứu. Bibliometrix (R) được dùng để phân tích tiến hóa theo thời gian và trích xuất dữ liệu mô tả. Sự kết hợp này cho phép tiếp cận cả hai chiều: bề rộng (phân bố các trục nội dung chính) và chiều sâu (quỹ đạo phát triển của từng cụm chủ đề). Trên thực tế, chúng tôi gặp khó khăn trong việc chuẩn hóa từ khóa đồng nghĩa, ví dụ “green job” và “green employment”. Việc xử lý thủ công cho thấy, nghiên cứu thư mục không hoàn toàn “tự động”, mà đòi hỏi nhiều thao tác chi tiết để kết quả phản ánh đúng bản chất dữ liệu.

Quy trình nghiên cứu:

Hình 1. Minh họa quy trình nghiên cứu từ khâu xác định từ khóa đến phân tích bằng công cụ chuyên dụng



Nguồn: Nhóm tác giả xây dựng (2025).

Bước 1. Xác định từ khóa: Lựa chọn các cụm từ liên quan: *green jobs, sustainable development, circular economy, environmental economics, reskilling, climate policy*.

Bước 2. Thu thập dữ liệu: Trích xuất tài liệu từ Scopus giai đoạn 2020-2025, loại hình là bài báo khoa học, ngôn ngữ tiếng Anh.

Bước 3. Làm sạch dữ liệu: Loại bỏ bản ghi trùng lặp, rà soát thủ công để bảo đảm chất lượng dữ liệu.

Bước 4. Phân tích dữ liệu: Xây dựng bản đồ đồng xuất hiện từ khóa và mạng lưới chủ đề. Bibliometrix (R): phân tích tiến hóa chủ đề, thống kê mô tả.

Bước 5. Tổng hợp kết quả: Nhận diện xu hướng phát

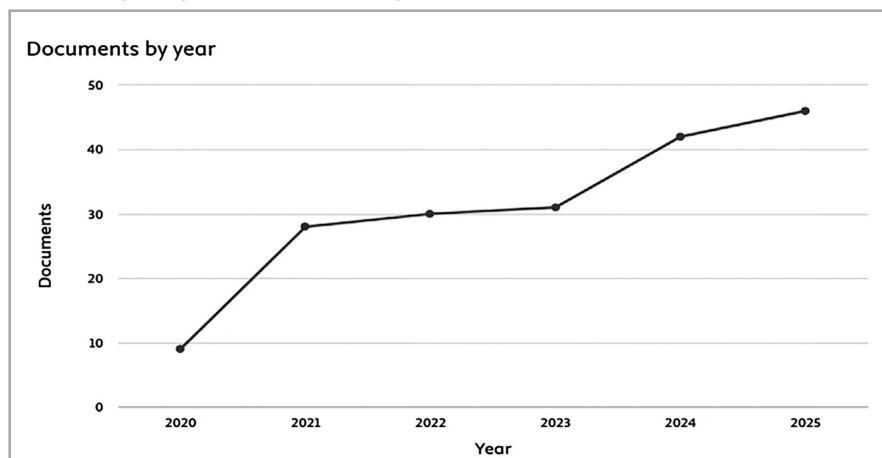
triển, xác định khoảng trống nghiên cứu và đề xuất định hướng cho học thuật lẫn chính sách.

Tóm lại, việc ứng dụng phân tích thư mục mang lại lợi thế quan trọng trong việc xây dựng cái nhìn hệ thống, khách quan và dựa trên dữ liệu thực chứng. Phân tích của chúng tôi gợi ý rằng, đây chính là nền tảng cần thiết để đưa ra những gợi ý học thuật cũng như khuyến nghị chính sách phù hợp với bối cảnh toàn cầu, nơi mà chuyển đổi xanh và phát triển bền vững đang trở thành xu hướng không thể đảo ngược (Aria & Cuccurullo, 2017; Van Eck & Waltman, 2010).

4. Kết quả phân tích thư mục

4.1. Thống kê mô tả theo thời gian

Hình 2. Phân bố số lượng công bố theo năm trong lĩnh vực việc làm xanh và phát triển bền vững (2020-2025)



Nguồn: Trích xuất trực tiếp từ cơ sở dữ liệu Scopus (2025).

học thuật, từ đó tạo ra mạng lưới liên kết phản ánh cấu trúc tri thức của lĩnh vực. Từ bản đồ có thể nhận thấy, hai nút trung tâm với kích thước vượt trội là tính bền vững “sustainability” và phát triển bền vững “sustainable development”, cho thấy đây là các trục khái niệm bao trùm toàn bộ mạng lưới nghiên cứu. Bao quanh hai trục trung tâm này là các cụm chủ đề liên kết chặt chẽ, phản ánh tính chất liên ngành và đa chiều của lĩnh vực.

Kết quả phân tích cho thấy, 4 cụm chủ đề hình thành rõ ràng trong mạng lưới đồng xuất hiện (co-occurrence network):

Cụm 1 - Phát triển bền vững và chính sách việc làm (Sustainable development & employment policy): Các từ khóa tiêu biểu gồm *sustainable development, green jobs, policy, decent work, economic growth*. Cụm này thể hiện mối quan tâm trung tâm của học giới về việc làm xanh như một công cụ hiện thực hóa Mục tiêu 8 và Mục tiêu 13, đồng thời phản ánh vai trò của các chính sách quốc gia trong thúc đẩy chuyển đổi xanh.

Cụm 2 - Kinh tế tuần hoàn và đổi mới công nghệ (circular economy & technological innovation): Cụm này gồm các từ khóa kinh tế tuần hoàn (*circular economy*), đổi mới (*innovation*), quản lý chất thải (*waste management*), năng lượng tái tạo (*renewable energy*) và Công nghiệp 4.0 (*Industry 4.0*). Nội dung phản ánh xu hướng chuyển sang mô hình kinh tế khép kín, trong đó công nghệ số và các nguồn năng lượng mới giữ vai trò nền tảng.

Cụm 3 - Kỹ năng xanh và giáo dục vì phát triển bền vững (*green skills & education for sustainability*): Cụm này bao gồm kỹ năng xanh (*green skills*), đào tạo nghề (*vocational training*), bồi dưỡng năng lực (*capacity*

building), giáo dục đại học (*higher education*) và chuyển đổi xanh (*green transition*). Đây là một trong những nhóm chủ đề nổi bật giai đoạn 2022-2025, thể hiện sự dịch chuyển từ góc nhìn chính sách sang nhấn mạnh vào phát triển năng lực con người nhằm đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế xanh.

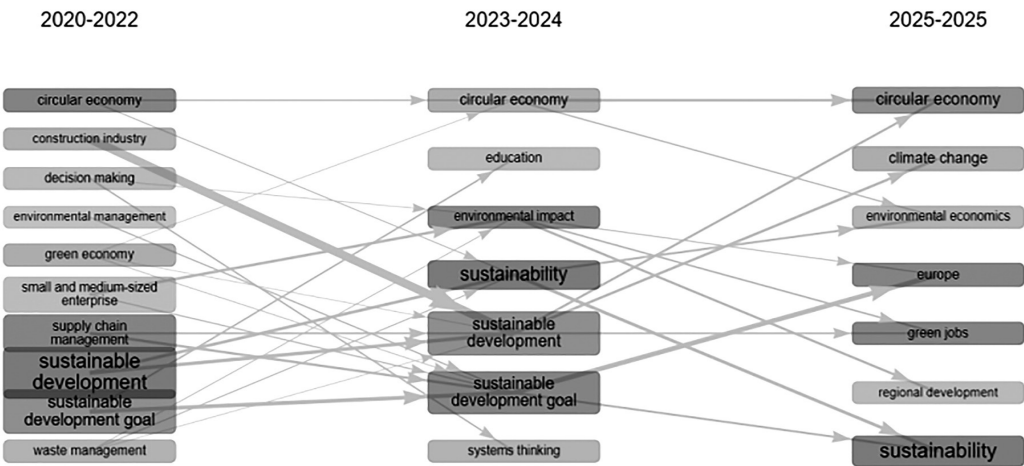
Cụm 4 - ESG và quản trị doanh nghiệp (*ESG & corporate sustainability*): Cụm này xuất hiện các từ khóa ESG, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR), quản trị doanh nghiệp (*corporate governance*), doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) và trách nhiệm xã hội (*social responsibility*). Điều này cho thấy, khái niệm việc làm xanh đã mở rộng sang lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, đặc biệt trong nhóm SMEs.

Ngoài ra, các nút như việc làm xanh (*green jobs*), tác động môi trường (*environmental impact*), nguồn nhân lực (*human resource*), ESG và tư duy hệ thống (*systems thinking*) đóng vai trò cầu nối giữa các cụm, giúp liên kết khung lý luận với thực tiễn ứng dụng. Sự phân bố từ khóa tương đối đồng đều cho thấy, nghiên cứu về việc làm xanh đã vượt khỏi phạm vi khái niệm thuần túy và chuyển sang một hệ sinh thái đa ngành bao gồm kinh tế, môi trường, công nghệ và giáo dục.

4.3. Tiến hóa chủ đề nghiên cứu theo thời gian (Thematic Evolution)

Bản đồ tiến hóa chủ đề nghiên cứu được xây dựng dựa trên việc chia khung thời gian thành ba giai đoạn: 2020-2022, 2023-2024 và 2025 (Hình 4). Kết quả phân tích cho thấy bức tranh phát triển của lĩnh vực việc làm xanh đang chuyển dịch rõ rệt theo hướng tích hợp các yếu tố kinh tế, môi trường và chính sách bền vững.

Hình 4. Tiến hóa chủ đề nghiên cứu trong lĩnh vực việc làm xanh và phát triển bền vững giai đoạn 2020-2025



Nguồn: Dữ liệu trích xuất từ Scopus, xử lý bằng Bibliometrix (2025)

Phân tích tiến hóa chủ đề từ 2020 đến 2025 cho thấy một dòng chảy phát triển tương đối nhất quán, trong đó các trục nội dung ở giai đoạn sau được hình thành trên nền tảng các khái niệm cốt lõi ở giai đoạn trước. Ở giai đoạn 2020-2022, nghiên cứu chủ yếu xoay quanh những khái niệm cơ sở của lĩnh vực như phát triển bền vững (sustainable development), mục tiêu phát triển bền vững (sustainable development goals), kinh tế tuần hoàn (circular economy), kinh tế xanh (green economy) và quản lý môi trường chất thải (environmental management; waste management). Đây là giai đoạn định hình khung ngữ nghĩa và đặt nền cho hệ sinh thái tri thức.

Giai đoạn 2023-2024 cho thấy, sự mở rộng có tính tích lũy: các chủ đề mới như giáo dục (education), tác động môi trường (environmental impact) và tư duy hệ thống (systems thinking) nổi lên, nhưng không tách rời giai đoạn trước mà gắn trực tiếp với nhu cầu phát triển năng lực xanh (green skills), quản trị chuỗi cung ứng và đổi mới công nghệ. Các trục phát triển bền vững (sustainability; sustainable development) tiếp tục duy trì vai trò trung tâm, làm cầu nối giữa lớp chủ đề nền tảng và lớp chủ đề hành động mới xuất hiện.

Bước sang năm 2025, bản đồ tiến hóa ghi nhận sự dịch chuyển rõ rệt từ tư duy khái niệm sang các chủ đề hành động và đo lường thực tế như việc làm xanh (green jobs), biến đổi khí hậu (climate change), kinh tế môi trường (environmental economics) và phát triển vùng (regional development). Các chủ đề này kế thừa trực tiếp từ nhu cầu quản trị rủi ro khí hậu, chuyển dịch năng lượng và yêu cầu đánh giá tác động chính sách ở quy mô vùng những vấn đề vốn được mạnh mẽ từ giai đoạn trước nhưng chỉ thật sự trở thành trung tâm trong 2025. Sự xuất hiện của cụm châu Âu (Europe) càng nhấn mạnh xu hướng hội nhập chính sách và sự lan tỏa từ khu vực tiên phong sang các bối cảnh nghiên cứu khác.

Từ ba giai đoạn này có thể thấy một dòng phát triển thống nhất: lĩnh vực nghiên cứu tiến hóa từ khái niệm đến năng lực và cơ chế đến hành động và đo lường. Nhịp chuyển này phản ánh sự trưởng thành học thuật, đồng thời cho thấy việc làm xanh đang dần gắn kết chặt chẽ với chuyển đổi số, chấp nhận ESG và chuyển đổi nhân lực. Đây chính là logic xuyên suốt của giai đoạn 2020-2025 mà các bản đồ thư mục đã xác nhận.

5. Thảo luận kết quả

Kết quả phân tích thư mục cho thấy bức tranh nghiên cứu toàn cầu về việc làm xanh và phát triển bền

vững đang bước vào giai đoạn chuyển động mạnh. Phạm vi nghiên cứu được mở rộng, đồng thời chiều sâu phân tích cũng tăng rõ rệt. Các bản đồ trực quan từ Bibliometrix minh họa rất rõ xu hướng này. Không chỉ thể hiện mức độ quan tâm ngày càng cao của học giới, chúng còn chỉ ra sự xuất hiện của các chủ đề mới và nhiều điểm giao thoa liên ngành.

Thứ nhất, cần nhắc tới sự gia tăng số lượng công bố và sự dịch chuyển trọng tâm. Biểu đồ công bố theo năm cho thấy số lượng nghiên cứu tăng đều, đặc biệt từ sau năm 2021. Sự tăng trưởng này có thể gắn liền với các chính sách toàn cầu như Thỏa thuận Paris hay khung 17 Mục tiêu Phát triển bền vững. Cùng lúc, nó phản ánh nhận thức ngày càng rõ hơn về mối quan hệ giữa thị trường lao động và khủng hoảng môi trường. Giai đoạn 2023-2025 đánh dấu một bước ngoặt: các nghiên cứu tập trung nhiều hơn vào hành động cụ thể như việc làm xanh, biến đổi khí hậu hay phát triển vùng, thay vì dừng lại ở các khái niệm trừu tượng.

Thứ hai, bản đồ đồng xuất hiện từ khóa cho thấy mức độ liên kết chặt chẽ hơn giữa các trục nội dung. Kinh tế tuần hoàn, quản lý môi trường, quản trị chuỗi cung ứng, giáo dục và doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày càng gắn bó. Xu hướng này gợi ý rằng nghiên cứu tương lai khó có thể tách rời yếu tố môi trường - xã hội - kinh tế. Thay vào đó, cần dựa vào tư duy hệ thống để giải quyết các vấn đề phức hợp. Các khái niệm như vòng đời sản phẩm, quản lý chất thải, kinh tế xanh hay các bên liên quan đang đóng vai trò cầu nối, kết hợp chính sách với thực hành doanh nghiệp. Đây cũng là điểm mở để thực hiện nghiên cứu tình huống, thử nghiệm mô hình hoặc đánh giá tác động ở quy mô thực tế.

Thứ ba, đáng chú ý là sự nổi lên của các chủ đề mới và khoảng trống học thuật. Bản đồ tiến hóa cho thấy, từ 2023 trở đi, các khái niệm việc làm xanh, biến đổi khí hậu và kinh tế môi trường không chỉ xuất hiện dày hơn mà còn trở thành trung tâm của mạng lưới tri thức. Sự thay đổi này phản ánh quá trình chuyển từ “tư duy phát triển bền vững” sang “hành động phát triển bền vững”. Nói cách khác, học giới không còn chỉ xây dựng khung lý thuyết, mà đang hướng sang đo lường và triển khai thực tiễn. Tuy nhiên, nhiều khoảng trống vẫn tồn tại. Ví dụ, chưa có đủ nghiên cứu so sánh chính sách giữa các khu vực phát triển và đang phát triển. Cũng hiếm thấy mô hình đánh giá hiệu quả thực tế của các chương trình tạo việc làm xanh. Đặc biệt, khía cạnh kỹ năng chuyển đổi, bao gồm đào tạo lại phục vụ quá trình xanh hóa nền kinh tế còn ít được khai thác.

Từ những quan sát trên, nghiên cứu này đề xuất một số định hướng cho tương lai:

(i) Cần có các nghiên cứu định lượng để đánh giá tác động của chính sách việc làm xanh ở cấp địa phương. (ii) Nên xây dựng khung đánh giá mối liên hệ giữa kỹ năng xanh và nhu cầu thị trường lao động. (iii) Cần làm rõ hơn vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc thực thi chiến lược phát triển bền vững. (iv) Có thể khai thác dữ liệu lớn để theo dõi xu hướng tuyển dụng, đào tạo và quá trình chuyển đổi lao động xanh.

Tóm lại, những định hướng này không chỉ đóng góp cho tri thức học thuật toàn cầu, chúng còn mang giá trị thực tiễn, làm cơ sở cho hoạch định chính sách và phát triển chiến lược trong bối cảnh kỷ nguyên xanh đang hình thành rõ nét. Phân tích của chúng tôi gợi ý rằng, nếu học giới kết hợp chặt chẽ hơn với thực tiễn chính sách và doanh nghiệp, việc làm xanh sẽ không chỉ là mục tiêu lý thuyết mà sẽ trở thành động lực hành động cụ thể.

6. Kết luận và hàm ý chính sách cho Việt Nam

Nghiên cứu này đã tiến hành phân tích thư mục toàn cầu dựa trên cơ sở dữ liệu Scopus giai đoạn 2020-2025, nhằm phác họa bức tranh tri thức về việc làm xanh và phát triển bền vững trong thập kỷ vừa qua. Bằng việc sử dụng công cụ chuyên dụng Bibliometrix (R), kết quả đã tái hiện mạng lưới học thuật đa tầng gồm các cụm chủ đề trung tâm, mối liên kết liên ngành và quỹ đạo tiến hóa của lĩnh vực.

Kết quả phân tích cho thấy, khái niệm tính bền vững và phát triển bền vững giữ vai trò hạt nhân trong hệ sinh thái tri thức, đồng thời liên kết chặt với các chủ đề mở rộng như kinh tế tuần hoàn, việc làm xanh, tác động môi trường và biến đổi khí hậu. Bản đồ tiến hóa cũng phản ánh sự dịch chuyển rõ nét từ các khái niệm nền tảng sang những chủ đề mang tính hành động và đo lường thực tiễn, đặc biệt kể từ năm 2023. Mức độ giao thoa liên ngành tăng mạnh, trải rộng từ giáo dục, quản trị chuỗi cung ứng, kinh tế môi trường đến quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa. Qua đó cho thấy, sự trưởng thành học thuật ngày càng rõ rệt của lĩnh vực. Từ các phát hiện này, nghiên cứu đề xuất ba định hướng chính cho học thuật và chính sách:

Thứ nhất, về mặt học thuật, cần tiếp tục mở rộng phân tích sang những chủ đề mới nổi như kỹ năng xanh, kinh tế tuần hoàn, mức độ chấp nhận ESG và chuyển đổi số qua đó hình thành khung lý thuyết thống nhất hơn cho nghiên cứu về việc làm xanh trong bối cảnh chuyển đổi toàn cầu.

Thứ hai, về phương diện chính sách, kết quả nhấn mạnh tầm quan trọng của phát triển năng lực xanh và đổi mới công nghệ xanh như hai trụ cột của nền kinh tế bền vững. Việc kết nối ba khu vực nhà nước, học thuật và doanh nghiệp sẽ đóng vai trò quyết định trong việc biến tri thức học thuật thành giải pháp chính sách khả thi.

Thứ ba, cần xây dựng cơ chế tài chính thể chế khuyến khích doanh nghiệp xanh hóa quy trình sản xuất, mở rộng thị trường carbon nội địa và thúc đẩy minh bạch ESG, từ đó chuyển hóa nhận thức về việc làm xanh thành hành động cụ thể.

Đối với Việt Nam, các kết quả này mang lại hàm ý chiến lược quan trọng. Trước hết, hệ thống giáo dục nghề nghiệp và đại học cần được thiết kế lại theo hướng tích hợp kỹ năng xanh và kỹ năng chuyển đổi số, nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực cho nền kinh tế phát thải thấp. Tiếp theo, chính sách hỗ trợ SMEs nên tập trung thúc đẩy áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn và chuẩn mực ESG, giúp doanh nghiệp vừa nâng cao năng lực cạnh tranh, vừa mở rộng cơ hội tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Cuối cùng, sự phối hợp ba bên Nhà nước, giới học thuật và khu vực tư nhân, sẽ là chìa khóa hình thành hệ sinh thái việc làm xanh đặc trưng Việt Nam, hài hòa giữa tăng trưởng, bao trùm và bền vững.

Tổng kết, kết quả nghiên cứu khẳng định việc làm xanh không chỉ là một phạm trù học thuật mà đang trở thành định hướng phát triển quốc gia, có khả năng tạo ra động lực lan tỏa cho tăng trưởng xanh và chuyển đổi năng lượng công bằng. Khi được lồng ghép vào chiến lược phát triển bền vững quốc gia, việc làm xanh có thể đồng thời mang lại lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường, góp phần hiện thực hóa tầm nhìn Việt Nam trung hòa carbon vào năm 2050.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aria, M., & Cuccurullo, C. (2017). Bibliometrix: An R-tool for comprehensive science mapping analysis. *Journal of Informetrics*, 11(4), 959-975. <https://doi.org/10.1016/j.joi.2017.08.007>
- Arulrajah, A. A., Opatha, H. H. D. N. P., & Nawaratne, N. N. J. (2015). Green human resource management practices: A review. *Sri Lankan Journal of Human Resource Management*, 5(1), 1-16. <https://doi.org/10.4038/sljhrm.v5i1.5624>
- Bowen, A., & Kuralbayeva, K. (2015). Looking for green jobs: The impact of green growth on employment. *Grantham Research Institute on Climate Change and the Environment*. <https://www.lse.ac.uk/granthaminstitute/publication/looking-for-green-jobs-the-impact-of-green-growth-on-employment/>
- Consoli, D., Marin, G., Marzucchi, A., & Vona, F. (2016). Do green jobs differ from non-green jobs in terms of skills and human capital? *Research Policy*, 45(5), 1046-1060. <https://doi.org/10.1016/j.respol.2016.02.007>
- Ellen MacArthur Foundation. (2019). *Completing the picture: How the circular economy tackles climate change*. <https://emf.org/reports/completing-the-picture>
- International Labour Organization. (2018). *World employment and social outlook 2018: Greening with jobs*. ILO. <https://www.ilo.org>
- Jabbour, C. J. C., & Santos, F. C. A. (2008). The central role of human resource management in the search for sustainable organizations. *The International Journal of Human Resource Management*, 19(12), 2133-2154. <https://doi.org/10.1080/09585190802479389>
- Organisation for Economic Co-operation and Development. (2020). *Green jobs and skills: The local labour market implications of addressing climate change*. OECD. <https://www.oecd.org>
- Scopus. (2025). Document search results for “green jobs” AND “sustainable development” (2015–2025). <https://www.scopus.com>
- United Nations. (2015). *Transforming our world: The 2030 Agenda for Sustainable Development*. <https://sdgs.un.org/2030agenda>
- United Nations Framework Convention on Climate Change. (2015). *Paris Agreement*. <https://unfccc.int/process-and-meetings/the-paris-agreement>
- UNESCO. (2019). *Greening technical and vocational education and training: A practical guide for institutions*. UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/>
- Van Eck, N. J., & Waltman, L. (2010). Software survey: VOSviewer, a computer program for bibliometric mapping. *Scientometrics*, 84(2), 523–538. <https://doi.org/10.1007/s11192-009-0146-3>
- World Commission on Environment and Development. (1987). *Our common future*. Oxford University Press.